

CTY CP THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 62/CBTT.2014

V/v: Công bố thông tin BCTC soát xét bán
niên năm 2014 của CPC

Cần Thơ, ngày 08 tháng 08 năm 2014

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: CÔNG TY CP THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ
2. Mã chứng khoán: CPC
3. Địa chỉ trụ sở chính: Km 14 quốc lộ 91 phường Phước Thới quận Ô Môn thành phố Cần Thơ
4. Điện thoại: 07103 861770 Fax: 07103 861798
5. Người công bố thông tin: NGUYỄN VĂN TRUNG
6. Nội dung của thông tin công bố:
6.1 Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2014 của CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ được lập ngày 08 tháng 08 năm 2014 bao gồm BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính:
www.tstcantho.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu:...

TM.CTY CP THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TGD

Nguyễn Văn Trung



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC
SÁT TRÙNG CẦN THƠ**

**Báo cáo tài chính
đã được soát xét**

*Giai đoạn tài chính bắt đầu từ
ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014*

**SVC SVC SVC SVC SVC S
VC SVC SVC SVC SVC SVC**

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Báo cáo của Hội Đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét	4
3. Bảng cân đối kế toán	5 - 7
4. Báo cáo kết quả kinh doanh	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuốc Sắt Trùng Cần Thơ (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/06/2014.

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong 6 tháng đầu năm 2014 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông: Nguyễn Văn Trung	Chủ tịch HĐQT
- Ông: Bùi Anh Dũng	Thành viên
- Ông: Phan Đăng Trúc	Thành viên
- Ông: Võ Việt Thanh	Thành viên
- Ông: Phan Văn Mưa	Thành viên

Trong 6 tháng đầu năm 2014 và đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty không có thay đổi thành viên Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong 6 tháng đầu năm 2014 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông: Nguyễn Văn Thái	Trưởng ban kiểm soát
- Ông: Dương Minh Thành	Thành viên
- Ông: Hồ Văn Hỷ	Thành viên

Trong 6 tháng đầu năm 2014 và đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty không có thay đổi thành viên Ban kiểm soát.

3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty đương nhiệm 6 tháng đầu năm 2014 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông: Nguyễn Văn Trung	Tổng Giám đốc

Trong 6 tháng đầu năm 2014 và đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty không có thay đổi thành viên Ban Tổng giám đốc.

4. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở của Công ty đặt tại số Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Công ty không có đơn vị trực thuộc.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800457478 đăng ký lần đầu ngày 27/05/2002 và thay đổi lần thứ 7 ngày 18/06/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại;
- Nhập khẩu kinh doanh phân bón, máy móc thiết bị, dụng cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh thuốc và hóa chất dùng trong nuôi trồng thủy sản;
- Sản xuất kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản;
- Sản xuất kinh doanh thủy sản làm giống, chất bổ sung cho thức ăn và thức ăn

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

- Nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại.

6. Mã chứng khoán niêm yết tại HNX: CPC

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 24.

Các kết quả tài chính

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.551.322.362 VND
- Lợi nhuận khác	747.067.827 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.298.390.189 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.605.645.842 VND
- Lợi nhuận sau thuế	5.692.744.347 VND

Công ty đã hết thời gian được ưu đãi miễn giảm thuế TNDN kể từ năm 2013. Thuế suất thuế TNDN Công ty áp dụng là mức thuế suất phổ thông 22%.

Doanh thu thuần 6 tháng đầu năm 2014 tăng so với 6 tháng đầu năm 2013 số tiền 12.439.574.919 đồng, tương đương 13,01%. Tuy nhiên, việc tăng doanh thu nêu trên không làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế tăng tương ứng do các chi phí đầu vào tăng, đặc biệt là chi phí tài chính. Nguyên nhân gia tăng doanh thu nêu trên là do Công ty đã tái cơ cấu mặt hàng kinh doanh theo hướng tăng tỷ trọng bán ra đối với các mặt hàng có tỷ suất lợi nhuận cao đồng thời nhu cầu tiêu thụ thuốc bảo vệ thực vật của Quý II năm 2014 đã gia tăng đáng kể.

Trong tình hình cạnh tranh khốc liệt hiện nay, Công ty đang ra sức tiết kiệm chi phí, tận dụng mọi nguồn lực để phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế mà Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 đã đề ra.

8. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

9. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này cần phải điều chỉnh số liệu hoặc khai báo trên báo cáo tài chính.

10. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 cho Công ty.

11. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

12. Phê duyệt báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cần Thơ, ngày 08 tháng 08 năm 2014

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN VĂN TRUNG



Số: 01/2014/SVCT - BCSX

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO
KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2014 ĐẾN NGÀY 30/06/2014
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ "Công ty" tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Nhơn
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0325-2013-107-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, CN Cần Thơ

Cần Thơ, ngày 08 tháng 08 năm 2014

Đặng Thị Thiên Nga
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462-2013-107-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		124.879.824.502	115.654.765.395
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	<i>v.1</i>	30.809.753.428	15.138.256.800
1. Tiền	111		4.809.753.428	1.638.256.800
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.000.000.000	13.500.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	<i>v.2</i>	36.196.920.416	41.086.695.163
1. Phải thu khách hàng	131		35.253.321.277	33.834.268.208
2. Trả trước cho người bán	132		1.659.241.500	1.796.727.875
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		284.357.639	6.455.699.080
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	<i>v.3</i>	57.080.282.249	58.936.583.718
1. Hàng tồn kho	141		57.080.282.249	58.936.583.718
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		792.868.409	493.229.714
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<i>v.4</i>	792.868.409	493.229.714
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.732.676.996	17.016.487.046
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		12.434.143.527	13.701.081.552
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<i>v.5</i>	11.712.166.228	12.905.820.970
- Nguyên giá	222		38.832.398.627	38.822.667.989
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.120.232.399)	(25.916.847.019)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<i>v.6</i>	43.740.254	58.308.332
- Nguyên giá	228		345.680.800	345.680.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(301.940.546)	(287.372.468)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<i>v.7</i>	678.237.045	736.952.250
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		3.298.533.469	3.315.405.494
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<i>v.8</i>	3.298.533.469	3.315.405.494
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		140.612.501.498	132.671.252.441

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		65.719.729.814	53.290.897.791
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		65.039.729.814	52.610.897.791
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	52.711.942.576	39.175.301.091
2. Phải trả người bán	312	V.10	2.104.912.775	2.566.525.617
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	869.323.493	218.831.614
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	1.678.700.370	2.638.922.234
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.12	3.619.250.814	5.098.344.025
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	2.094.555.466	369.622.890
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.961.044.320	2.543.350.320
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		680.000.000	680.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.14	680.000.000	680.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74.892.771.684	79.380.354.650
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410	V.15	74.892.771.684	79.380.354.650
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		43.030.500.000	43.030.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.291.518.300	8.291.518.300
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		10.861.176.032	10.861.176.032
4. Cổ phiếu quỹ	414		(4.000.872.355)	(4.000.872.355)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.400.000.000	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.303.050.000	4.303.050.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11.007.399.707	16.894.982.673
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		140.612.501.498	132.671.252.441

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
_ USD		2.291,32	1.511,23
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Nguyễn Duy Linh
Người lập



Quách Thị Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Trung
Tổng Giám đốc
Cần Thơ, ngày 18 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh		Quý II năm 2013	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này 2014	Đơn vị tính: VND
		Quý II năm 2014	Quý II năm 2013			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	72.959.846.845	48.658.957.768	109.123.469.109	95.583.894.190	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1.100.000.000	-	1.100.000.000	-	
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	71.859.846.845	48.658.957.768	108.023.469.109	95.583.894.190	
4. Giá vốn hàng bán	11	60.496.751.310	40.275.328.856	89.998.728.115	78.826.105.409	
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	11.363.095.535	8.383.628.912	18.024.740.994	16.757.788.781	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.952.155.767	916.222.034	2.140.791.639	1.755.308.481	
7. Chi phí tài chính	22	1.720.700.174	738.813.420	3.449.987.711	1.836.238.359	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	618.702.130	218.771.003	1.144.065.530	1.836.238.359	
8. Chi phí bán hàng	24	2.434.636.794	2.358.415.613	4.185.074.785	5.133.014.520	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3.549.693.421	2.464.952.428	5.979.147.775	4.296.329.643	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	5.610.220.913	3.737.669.485	6.551.322.362	7.247.514.740	
11. Thu nhập khác	31	247.319.499	5.398	747.319.499	17.907.619	
12. Chi phí khác	32	251.672	28.832	251.672	425.917	
13. Lợi nhuận khác	40	247.067.827	(23.434)	747.067.827	17.481.702	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	5.857.288.740	3.737.646.051	7.298.390.189	7.264.996.442	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.288.603.524	1.551.697.832	1.605.645.842	1.816.249.111	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	4.568.685.216	2.185.948.219	5.692.744.347	5.448.747.331	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.119	536	5.692.744.347	1.335	



Nguyễn Duy Linh
Người lập

Quách Thị Thúy
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trung
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 18 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số : B 03 - DN

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	111.758.322.090	91.684.971.806
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(90.037.106.014)	(85.843.311.922)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.011.219.174)	(7.897.890.575)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.144.085.530)	(1.836.238.359)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.361.088.039)	(1.319.001.306)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	9.751.926.928	2.556.052.848
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(12.461.710.246)	(3.614.554.763)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.495.040.015	(6.269.972.271)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(769.025.342)	(211.784.030)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	247.272.726	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	400.163.496	921.033.980
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(121.589.120)	709.249.950
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	74.539.040.045	42.840.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(60.749.332.194)	(45.603.282.880)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.011.834.100)	(8.426.661.135)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.777.873.751	(11.189.944.015)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	14.151.324.646	(16.750.666.336)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15.138.256.800	25.261.282.335
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.520.171.982	(5.709.640)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	30.809.753.428	8.504.906.359



(Signature)

Nguyễn Duy Linh
Người lập

(Signature)

Quách Thị Thúy
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trung
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 18 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 1462/QĐ – CT.UB ngày 26/04/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ (nay là UBND thành phố Cần Thơ) và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800457478 đăng ký lần đầu ngày 27/05/2002 và thay đổi lần thứ 7 ngày 18/06/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 43.030.500.000, tương ứng 4.303.050 phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 và theo tỷ lệ như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Công ty TNHH TMDV Thanh Sơn Hóa Nông	710.010	7.100.100.000	16,50%
- Cổ đông khác	3.593.040	35.930.400.000	83,50%
Cộng	4.303.050	43.030.500.000	100,00%

Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán vào ngày 30/06/2014 là 43.030.500.000 và phù hợp với tỷ lệ nêu trên.

2. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở của Công ty đặt tại số Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Công ty không có đơn vị trực thuộc.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại;
- Nhập khẩu kinh doanh phân bón, máy móc thiết bị, dụng cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh thuốc và hóa chất dùng trong nuôi trồng thủy sản;
- Sản xuất kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản;
- Sản xuất kinh doanh thủy sản làm giống, chất bổ sung cho thức ăn và thức ăn

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

- Nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm 2014 được bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày báo cáo tài chính".

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối kỳ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư số 179/2012/TT - BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài Chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên được xử lý theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" (VAS 10).

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CÀN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Tuy nhiên, giá nhập kho của Công ty chỉ bao gồm giá mua.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Cuối kỳ kế toán, Công ty không có hàng lỗi thời, chậm luân chuyển và kém, mất phẩm chất cần lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT – BTC ngày 25/04/2014 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị quản lý	03 năm

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ. Tại thời điểm 30/06/2014, Công ty không có số dư đầu tư ngắn hạn và dài hạn ngoại trừ khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán. 6 tháng đầu năm 2014, không có khoản chi phí lãi vay nào cần được vốn hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí thực tế như: chi phí sửa chữa lớn, chi phí công cụ dụng cụ... đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

Tháng 9 năm 2008, Công ty tiến hành thuê đất và cơ sở hạ tầng của Công ty xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Cần Thơ để thực hiện Dự án "Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi thủy sản". Tuy nhiên, đến nay, Dự án vẫn chưa được triển khai và cũng chưa có đơn xin gia hạn theo yêu cầu của Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ tại Công văn số 320/BQL – ĐT ngày 02/11/2011. Tổng chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng của Dự án này tính đến thời điểm 30/06/2014 là 3.163.487.586 và đang được theo dõi ở khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn"

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Công ty trích quỹ tiền lương năm 2014 theo Thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động. Trong 6 tháng đầu năm 2014, Công ty đã trích quỹ lương vào chi phí kinh doanh là 6.453.254.774.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả như: chi phí chiết khấu phải trả các đại lý, chi phí lãi vay, chi phí vận chuyển... được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ. Việc ước tính này tạm được thực hiện vào cuối quý II năm 2014 và sẽ được quyết toán tổng thể vào cuối năm tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế đã phát hành và mệnh giá cổ phiếu. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua vào và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là doanh thu được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

11. Thuế

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty đã hết thời gian được ưu đãi miễn giảm thuế TNDN kể từ năm 2013. Thuế suất thuế TNDN Công ty áp dụng là mức thuế suất phổ thông 22%.

6 tháng đầu năm 2014, Công ty đã tạm tính chi phí thuế TNDN hiện hành theo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm. Việc quyết toán thuế TNDN sẽ được Công ty tính khi kết thúc năm tài chính.

12. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt. Riêng Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, căn cứ vào Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2013 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt soát xét.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

<i>Khoản mục</i>	<i>30-06-2014</i>		<i>01-01-2014</i>
Tiền mặt	368.317.816		114.933.000
Tiền gửi ngân hàng	4.441.435.612	(a)	1.523.323.800
Các khoản tương đương tiền	26.000.000.000	(b)	13.500.000.000
Cộng	30.809.753.428		15.138.256.800

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2014 như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>USD</i>	<i>Tương đương VND</i>		<i>Tổng cộng VND</i>
- Agribank, CN. Cần Thơ	-	-	371.932.636	371.932.636
- ABbank, CN. Cần Thơ	-	-	31.729.452	31.729.452
- Vietcombank, CN Cần Thơ	714,34	15.715.480	3.192.658.705	3.208.372.185
- Sacombank, CN Cần Thơ	589,25	12.963.500	335.029.458	347.992.958
- HSBC, CN. Cần Thơ	-	-	64.568.096	64.568.096
- Các ngân hàng khác	987,73	21.730.060	395.110.225	416.840.285
Cộng	2.291,32	50.409.040	4.391.026.572	4.441.435.612

(b) Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 30/06/2014 như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>USD</i>	<i>Tương đương VND</i>		<i>Tổng cộng VND</i>
- Sacombank, CN. Cần Thơ	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000
- HSBC, CN. Cần Thơ	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
- Vietcombank, CN Cần Thơ	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000
- VIB, CN. Cần Thơ	-	-	11.500.000.000	11.500.000.000
Cộng	-	-	26.000.000.000	26.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

<i>Khoản mục</i>	<u>30-06-2014</u>	<u>01-01-2014</u>
Phải thu khách hàng	35.253.321.277 (c)	33.834.268.208
Trả trước cho người bán	1.659.241.500 (d)	1.796.727.875
Các khoản phải thu khác	284.357.639 (e)	6.455.699.080
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(1.000.000.000) (c)</u>	<u>(1.000.000.000)</u>
Cộng	<u>36.196.920.416</u>	<u>41.086.695.163</u>

(c) Chi tiết số dư phải thu khách hàng tại ngày 30/06/2014 như sau:

<u>Khách hàng</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Nợ khó đòi đã trích lập dự phòng</u>
- Công ty TNHH Nghĩa Thẩm	1.176.890.086	-
- Công ty TNHH TMDV Hằng Duy	10.148.868.589	-
- Cửa hàng VTNN Võ Hoàng Dũng	1.097.345.334	-
- DNTN Quý Hằng	2.164.370.812	-
- Đại lý VTNN Phạm Trường Giang	5.488.193.909	-
- Đại lý VTNN Tích Thảo (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
- Phải thu khách hàng khác	14.177.652.547	-
Cộng	<u>35.253.321.277</u>	<u>1.000.000.000</u>

(*) Hiện nay, chủ Đại lý vật tư nông nghiệp Tích Thảo đã chết và khoản nợ này khó thu hồi đã được Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán tại ngày 30/06/2014 như sau:

<u>Nhà cung cấp</u>	<u>Số tiền</u>
- Công ty TNHH SX – TM – DV Ngọc Thành	116.500.000
- Nguyễn Văn Giỏi (Chuyển nhượng QSDĐ)	1.400.820.000
- Trả trước nhà cung cấp khác	141.921.500
Cộng	<u>1.659.241.500</u>

(e) Chi tiết số dư trả các khoản phải thu khác tại ngày 30/06/2014 như sau:

<u>Đối tượng</u>	<u>Số tiền</u>
- Cục Hải quan thành phố Hồ Chí Minh	70.000.000
- Lê Chí Thanh	170.357.639
- Phải thu khác	44.000.000
Cộng	<u>284.357.639</u>

3. Hàng tồn kho

<i>Khoản mục</i>	<u>30-06-2014</u>	<u>01-01-2014</u>
Nguyên vật liệu tồn kho	44.625.827.622 (f)	38.225.996.895
Thành phẩm tồn kho	12.390.166.972 (g)	15.091.684.439
Hàng hóa tồn kho	64.287.655 (h)	5.618.902.384
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	<u>57.080.282.249</u>	<u>58.936.583.718</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(f) Chi tiết số dư nguyên vật liệu tồn kho vào ngày 30/06/2014 như sau:

<u>Khoản mục</u>	<u>Số tiền</u>
- Nguyên vật liệu chính – Thuốc BVTV	39.504.504.427
- Nguyên vật liệu chính – Nhựa	310.057.780
- Nguyên vật liệu chính – Bao bì, nhãn	4.811.265.415
Cộng	44.625.827.622

(g) Chi tiết số dư thành phẩm tồn kho vào ngày 30/06/2014 như sau:

<u>Khoản mục</u>	<u>Số tiền</u>
- Thuốc bảo vệ thực vật do Công ty sản xuất	12.390.166.972
Cộng	12.390.166.972

(h) Chi tiết số dư hàng hóa tồn kho vào ngày 30/06/2014 như sau:

<u>Khoản mục</u>	<u>Số tiền</u>
- Thuốc bảo vệ thực vật nhập mua từ Dupont	64.287.655
Cộng	64.287.655

- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Giá trị hàng tồn kho đã dùng để thế chấp các khoản nợ phải trả: không có
- Lý do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

4. Tài sản ngắn hạn khác

<u>Khoản mục</u>	<u>30-06-2014</u>	<u>01-01-2014</u>
Tạm ứng	792.868.409	493.229.714
Cộng	792.868.409	493.229.714

5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

<u>Loại tài sản</u>	<u>01-01-2014</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>30-06-2014</u>
Nguyên giá	38.822.667.989	590.765.009	581.034.371	38.832.398.627
- Nhà cửa, vật kiến trúc	16.837.835.362	-	-	16.837.835.362
- Máy móc thiết bị	10.946.916.623	590.765.009	581.034.371	10.956.647.261
- Phương tiện vận tải	10.865.947.977	-	-	10.865.947.977
- Thiết bị quản lý	171.968.027	-	-	171.968.027
Hao mòn lũy kế	25.916.847.019	1.784.419.751	581.034.371	27.120.232.399
- Nhà cửa, vật kiến trúc	13.181.292.835	491.843.415	-	13.673.136.250
- Máy móc thiết bị	7.317.243.023	631.563.590	-	7.948.806.613
- Phương tiện vận tải	5.276.374.699	658.323.354	581.034.371	5.353.663.682
- Thiết bị quản lý	141.936.462	2.689.392	-	144.625.854
Giá trị còn lại	12.905.820.970			11.712.166.228
- Nhà cửa, vật kiến trúc	3.656.542.527			3.164.699.112
- Máy móc thiết bị	3.629.673.600			3.007.840.648
- Phương tiện vận tải	5.589.573.278			5.512.284.295
- Thiết bị quản lý	30.031.565			27.342.173

- Giá trị của TSCĐ đã dùng để thế chấp cầm cố các khoản nợ vay: 11.712.166.228
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30/06/2014 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.251.409.633
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30/06/2014 chờ thanh lý: không có



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

• Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong 6 tháng đầu năm 2014 như sau:

	Số tiền
- Dây chuyền sản xuất thuốc bột	590.765.009
Cộng	590.765.009

• Chi tiết tài sản cố định hữu hình giảm trong 6 tháng đầu năm 2014 như sau:

	Số tiền
- Thanh lý xe Jac	182.807.619
- Thanh lý xe Ford Ranger	398.226.752
Cộng	581.034.371

6. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Loại tài sản	01-01-2014	Tăng	Giảm	30-06-2014
Nguyên giá	345.680.800	-	-	345.680.800
- Bản quyền nhân thuốc	200.000.000	-	-	200.000.000
- Phần mềm kế toán	145.680.800	-	-	145.680.800
Hao mòn lũy kế	287.372.468	14.568.078	-	301.940.546
- Bản quyền nhân thuốc	200.000.000	-	-	200.000.000
- Phần mềm kế toán	87.372.468	14.568.078	-	101.940.546
Giá trị còn lại	58.308.332			43.740.254
- Bản quyền nhân thuốc	-			-
- Phần mềm kế toán	58.308.332			43.740.254

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Khoản mục	30-06-2014	01-01-2014
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	678.237.045 (i)	736.952.250
Cộng	678.237.045	736.952.250

(i) Chi tiết số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30/06/2014 như sau:

	Số tiền
- Chi phí xây dựng nền Container	99.004.545
- Chi phí xây dựng phần mềm kế toán	579.232.500
Cộng	678.237.045

8. Chi phí trả trước dài hạn

Khoản mục	30-06-2014	01-01-2014
Chi phí trả trước dài hạn	3.298.533.469 (j)	3.315.405.494
Cộng	3.298.533.469	3.315.405.494

(j) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày 30/06/2014 như sau:

	Số tiền
- Chi phí thuê đất (*)	3.184.602.586
- Chi phí CCDC chờ phân bổ	113.930.883
Cộng	3.298.533.469

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*)Tháng 9 năm 2008, Công ty tiến hành thuê đất và cơ sở hạ tầng của Công ty xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Cần Thơ để thực hiện Dự án "Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi thủy sản". Tuy nhiên, đến nay, Dự án vẫn chưa được triển khai và cũng chưa có đơn xin gia hạn theo yêu cầu của Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ tại Công văn số 320/BQL – ĐT ngày 02/11/2011. Hiện nay, Công ty đang tìm phương án kinh doanh khác để đầu tư xây dựng trên diện tích đất đã thuê này.

9. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

Khoản mục	30-06-2014	01-01-2014
Vay và nợ ngắn hạn	52.711.942.576 (k)	39.175.301.091
Cộng	52.711.942.576	39.175.301.091

(k) Chi tiết số dư khoản vay ngắn hạn vào ngày 30/06/2014 như sau:

Ngân hàng	USD	Tương đương VND	VND	Tổng cộng
- Vietcombank, CN Cần Thơ	777.609,50	16.563.082.350	-	16.563.082.350
- HSBC, CN Cần Thơ	-	-	23.660.000.000	23.660.000.000
- Indovina, CN Cần Thơ	-	-	8.378.105.528	8.378.105.528
- VIB, CN Cần Thơ	192.966,00	4.110.754.698	-	4.110.754.698
Cộng	970.575,50	20.673.837.048	32.038.105.528	52.711.942.676

10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

Khoản mục	30-06-2014	01-01-2014
Phải trả người bán	2.104.912.775 (l)	2.566.525.617
Người mua trả tiền trước	869.323.493 (m)	218.831.614
Cộng	2.974.236.268	2.785.357.231

(l) Chi tiết số dư phải trả người bán tại ngày 30/06/2014 như sau:

Nhà cung cấp	Số tiền
- Công ty TNHH SX – TM Nhựa Cường Phát	431.900.875
- Công ty CP Bao bì Tín Thành	306.903.300
- Công ty TNHH ADC	233.251.200
- Công ty TNHH TMDVTT Bao bì Hóa chất	378.000.000
- Các nhà cung cấp khác	754.857.400
Cộng	2.104.912.775

(m) Chi tiết số dư người mua trả tiền trước tại ngày 30/06/2014 như sau:

Khách hàng	Số tiền
- Công ty TNHH Dupont Việt Nam	184.588.166
- Công ty TNHH TMDV Tấn Hưng	173.901.000
- Công ty TNHH MTV TM Thịnh Điền	308.952.500
- Các khách hàng khác	201.881.827
Cộng	869.323.493

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Khoản mục	30-06-2014	01-01-2014
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	384.276.046	448.033.617
- Thuế TNDN	1.288.603.524	1.625.823.186
- Thuế TNCN	5.820.800	5.904.800
Cộng	1.678.700.370	2.079.761.603

12. Chi phí phải trả

Khoản mục	30-06-2014	01-01-2014
- Chi phí phải trả	3.619.250.814 (n)	5.098.344.025
Cộng	3.619.250.814	5.098.344.025

(n) Chi tiết số dư chi phí phải trả vào ngày 31/12/2013 như sau:

	Số tiền
- Chiết khấu thương mại phải trả (Hàng Dupont)	3.586.750.814
- Chi phí phải trả khác	32.500.000
Cộng	3.619.250.814

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Khoản mục	30-06-2014	01-01-2014
- Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	2.094.555.466 (o)	369.622.890
Cộng	2.094.555.466	369.622.890

(o) Chi tiết số dư khoản phải trả khác vào ngày 30/06/2014 như sau:

	Số tiền
- KPCĐ	111.779.840
- BHXH thành phố Cần Thơ	54.298.160
- Dương Minh Hoàng	1.472.243.002
- Thuế TNCN chờ quyết toán (cổ tức)	450.854.424
- Phải trả khác	5.380.040
Cộng	2.094.555.466

14. Phải trả dài hạn khác

Khoản mục	30-06-2014	01-01-2014
- Các khoản phải trả dài hạn khác	680.000.000 (p)	680.000.000
Cộng	680.000.000	680.000.000

(p) Chi tiết số dư khoản phải trả dài hạn khác vào ngày 30/06/2014 như sau:

	Số tiền
- Nhận kỳ quỹ từ các đại lý	680.000.000
Cộng	680.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CÀN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Vốn chủ sở hữu

(a) *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay*

<i>Khoản mục</i>	<i>01/01/2014</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>30/06/2014</i>
- Vốn đầu tư của CSH	43.030.500.000	-	-	43.030.500.000
- Thặng dư vốn cổ phần	8.291.518.300	-	-	8.291.518.300
- Vốn khác của CSH	10.861.176.032	-	-	10.861.176.032
- Cổ phiếu quỹ	(4.000.872.355)	-	-	(4.000.872.355)
- Quỹ đầu tư phát triển	-	1.400.000.000	-	1.400.000.000
- Quỹ dự phòng tài chính	4.303.050.000	-	-	4.303.050.000
- LN sau thuế chưa PP	16.894.982.673	5.833.682.443	11.721.265.409	11.007.399.707
Cộng	79.380.354.650	7.233.682.443	11.721.265.409	74.892.771.684

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có
Số lượng cổ phiếu quỹ: 221.600

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2014 như sau:

<i>Cổ đông</i>	<i>Số lượng cổ phần</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
- Công ty TNHH TMDV Thanh Sơn Hóa Nông	710.010	7.100.100.000	16,50%
- Cổ đông khác	3.593.040	35.930.400.000	83,50%
Cộng	4.303.050	43.030.500.000	100,00%

(b) *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	43.030.500.000	43.030.500.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	43.030.500.000	43.030.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.140.430.000	8.426.661.135

(c) *Cổ tức*

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Chưa công bố
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: chưa công bố
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: chưa công bố
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

(d) *Cổ phiếu*

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.303.050	4.303.050
- Số lượng CP đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	4.303.050	4.303.050
▪ Cổ phiếu thường	4.303.050	4.303.050
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	221.600	221.600
▪ Cổ phiếu thường	221.600	221.600
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.081.450	4.081.450
▪ Cổ phiếu thường	4.081.450	4.081.450
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRỪNG CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp

Khoản mục	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp	Tỷ lệ
- Doanh thu bán thành phẩm	97.958.196.475	80.622.179.992	17.336.018.483	17,70%
- Doanh thu bán hàng hóa	4.800.664.259	5.659.903.800	(859.239.541)	(17,90)%
- Doanh thu gia công	2.722.784.415	2.694.599.012	28.185.403	1,04%
- Doanh thu khác	2.541.821.960	1.022.045.311	1.519.776.649	59,79%
Cộng	108.023.469.109	89.998.728.115	18.024.740.994	16,69%

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	400.163.496	921.033.980
- Lãi CLTG hối đoái	1.740.628.143	834.274.501
Cộng	2.140.791.639	1.755.308.481

3. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền vay	1.144.085.530	1.836.238.359
- Lỗ CLTG hối đoái	2.305.902.181	-
Cộng	3.449.987.711	1.836.238.359

4. Chi phí bán hàng

Khoản mục	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	1.192.409.950	1.984.345.221
- Chi phí đồ dùng	25.345.521	22.443.524
- Chi phí khấu hao TSCĐ	626.743.668	494.465.910
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.278.267.764	1.009.323.755
- Chi phí bằng tiền khác	1.062.307.882	1.622.436.110
Cộng	4.185.074.785	5.133.014.520

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Khoản mục	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên quản lý	4.335.581.700	3.030.987.000
- Chi phí vật liệu quản lý	7.430.000	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	75.018.325	36.253.286
- Chi phí khấu hao TSCĐ	105.405.066	82.192.111
- Thuế, phí và lệ phí	137.390.574	215.282.281
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	774.531.408	300.624.393
- Chi phí bằng tiền khác	543.790.702	630.990.572
Cộng	5.979.147.775	4.296.329.643

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CÂN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Thu nhập khác

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Thu thanh lý tài sản cố định	247.272.726	-
- Hoàn nhập chi phí trích thừa	500.000.000	-
- Thu nhập khác	46.773	17.907.619
Cộng	747.319.499	17.907.619

7. Phân phối lợi nhuận

<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 01/01/2014</i>	<i>16.894.982.673</i>
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế 6 tháng đầu năm 2014</i>	<i>7.298.390.189</i>
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>	<i>1.605.645.842</i>
<i>Lợi nhuận kế toán sau thuế 6 tháng đầu năm 2014</i>	<i>5.692.744.347</i>
Điều chỉnh tăng lợi nhuận năm 2012 theo BBQT Thuế	140.938.096
Chi các khoản nộp phạt	20.000.000
Trích quỹ ĐTPT từ lợi nhuận sau thuế năm 2013	1.400.000.000
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	372.108.698
Trích quỹ khen thưởng HĐQT và Ban kiểm soát	510.981.369
Trích Quỹ KTPL từ lợi nhuận sau thuế năm 2013	1.000.000.000
Chi thù lao HĐQT và BKS	277.745.342
Chia cổ tức năm 2013	8.140.430.000
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30/06/2014</i>	<i>11.007.399.707</i>

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Lợi nhuận sau thuế	5.692.744.347	5.448.747.331
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	4.081.450	4.081.450
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.395	1.335

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

1. Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

Trong năm không có thay đổi lớn nào trong chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.

2. Những thông tin về hoạt động liên tục: Công ty hoạt động liên tục trong tương lai
 3. Thông tin về các bên liên quan: không có
 4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình tại Thuyết minh số V.9 trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CÀN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

các cổ đông Công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại mục IV của Thuyết minh báo cáo tài chính này.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đồng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Trong các lĩnh vực kinh doanh của Công ty, hoạt động xuất nhập khẩu chịu nhiều rủi ro khi có biến động về tỷ giá ngoại hối. Công ty đã thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá ngoại hối thông qua các biện pháp tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, lựa chọn thời điểm thích hợp mua và thanh toán các khoản ngoại tệ để cân bằng giữa rủi ro thanh toán và rủi ro tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất thông qua phân tích và dự báo, Công ty đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong năm để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản vay cũng như cơ cấu vay nợ.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản và tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác.

5. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt. Riêng Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, căn cứ vào Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2013 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt soát xét.



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Đvt	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản lưu động/ Tổng số Tài sản	%	88,81	87,17
- Tài sản cố định/ Tổng số Tài sản	%	11,19	12,83
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	46,74	40,17
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	53,26	59,83
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,14	2,49
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,92	2,20
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,47	0,29
2.4 Khả năng thanh toán nợ dài hạn	lần	-	-
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	6,58	7,46
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	5,13	5,60
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	5,19	5,48
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	4,05	4,11
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên NVCSH	%	7,60	6,86

Cần Thơ, ngày 18 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu



NGUYỄN DUY LINH

Kế toán trưởng



QUÁCH THỊ THÚY

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN TRUNG